Ký bởi: Trung tâm Thông tin
Email: ttth@moc.gov.vn
Cơ quan: Bộ Xây dựng

BỘ XÂY DỰNG

Số: 310 /GCN-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2020

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/04/2017 của Bộ xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1 và Biên bản đánh giá ngày 17 tháng 12 năm 2020,

CHỨNG NHẬN:

1. Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;

Mã số thuế: 0100111602;

Địa chỉ: Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm Cơ khí - Vật liệu xây dựng;

Địa chỉ: Số 8, Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1893**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp./.

Nơi nhận:
- Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1;
- Sở Xây dựng Hà Nội;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BỘ XÂY DỰNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1893

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 310 /GCN-BXD, ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên phép thử xin công nhận	Tiêu chuẩn kỹ thuật
	Thép làm cốt bê tông	
1	Kích thước	TCVN 1651:2018
2	Khối lượng/ 1 mét dài	TCVN 1651:2018
3	Thử kéo	TCVN 7937:2013; ISO 15630:2010; ASTM A370 - 19 BS EN 4449:2012; JIS Z2241:2011; JIS G 3112:2010 TCVN 197-1:2014
4	Thử uốn	TCVN 7937:2013; ISO 15630:2010; ASTM A370 - 19 BS EN 4449:2012; JIS Z2248:2014; TCVN 198:2008
5	Phương pháp thử uốn lại	TCVN 7937:2013 ; ISO 15630:2010 TCVN 6287:1997 ; BS EN 4449:2012
6	Thành phần hóa hoc	ASTM E 415 - 17
	Thép xây dựng, thép hình	
7	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; JIS Z2241:2011; ASTM A370 - 19
8	Thử uốn	TCVN 198:2008; JIS Z2248:2014; ASTM A370 - 19
9	Độ cứng (HRC, HRB, HRA HB, HV)	TCVN 257-1:2007; TCVN256-1:2006; TCVN 285-1:2007
10	Độ dai va đập	ASTM A370 – 19; TCVN 312-1:2007; ISO 148-1: 2016 JIS Z2242:2018
11	Độ cứng Leeb,HB, HRA, HRB, HRC, HV, HS, HLD	ASTM A 956 - 17a
12	Tổ chức thô đại	ASTM E 340 – 15; JIS G0553 : 2019
13	Tổ chức tế vi	JIS G0555 : 2003; TCVN 5345-1991
14	Thành phần hóa học	ASTM E 415 - 17
	Ống thép	
15	Kích thước	ASTM A53/A53M – 13; BS EN 10255:04; AS/NZS 1163:16
16	Khối lượng/ 1 mét dài	ASTM A53/A53M – 13 ; BS EN 10255:04 ; AS/NZS 1163:16
17	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; JIS Z2241:2011; ASTM A370 – 19
18	Thử uốn	TCVN 198:2008; JIS Z2248:2014; ASTM A370 - 19
19	Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ASTM A53/A53M - 13 BS EN 10255:2004 ; AS/NZS 1163:2016
20	Thử áp lực nước	TCVN 1383:2008
21	Thành phần hóa học	ASTM E 415 – 17; ASTM E1086 - 14
	Tôn mạ màu	
22	Kích thước	JIS G 3302:2013; ASTM A653 - 13 AS 1397:2011; ASTM A792 - 10
23	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; JIS Z2241:2011 ASTM A370 – 19; AS 1391:2007
24	Khối lượng lớp mạ	JIS H0401:2013; ASTM A90/A90M - 13
25	Chiều dày lớp phủ	ASTM E376 - 19
26	Thành phần hóa hoc	ASTM E 415 - 17
27	Độ bền lớp phủ	TCVN 2097:2015
	Nhôm thanh định hình	
28	Thử kéo	TCVN 197-1:2014;JIS Z2241:2011;ASTM A370 - 19
29	Thành phần hóa học	ASTM E 1251 - 17
30	Độ cứng (HRC, HRB, HRA HB, HV)	TCVN 257-1:2007;TCVN256-1:2006;TCVN 285-1:2007
31	Chiều dày lớp phủ Anod hóa	ASTM B244 - 09
32	Chiều dày lớp phủ	ASTM E376 - 19
33	Độ bền lớp phủ	TCVN 2097:2015
	Gạch, đá ốp lát	
34	Kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
35	Cường độ uốn	TCVN 6415-4:2016
36	Độ hút nước	TCVN 6415-3:2016

STT	Tên phép thử xin công nhận	Tiêu chuẩn kỹ thuật
37	Độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7:2016
38	Độ bền màu mòn sâu	TCVN 6415-6:2016
39	Độ bền rạn men	TCVN 6415-11:2016
40	Độ bền va đập	TCVN 6415-5:2016
41	Độ cứng bề mặt	TCVN 6415-18:2016
	Gạch đất sét nung	
42	Kích thước; Cường độ nén	TCVN 6355:2009
43	Cường độ uốn; Độ hút nước	TCVN 6355:2009
44	Chiều dày thành vách	TCVN 6355:2009
	Ngói đất sét nung	
45	Kích thước, khuyết tât ngoại quan	TCVN 1452:2004
46	Đô hút nước	TCVN 4313:1995
47	Khối lượng $1m^2$ bão hòa nước	TCVN 4313:1995
48	Tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995
49	Thời gian xuyên nước	TCVN 4313:1995
	Ngói xi măng cát	
50	Kích thước	JIS A 5402:2002
51	Độ hút nước	JIS A 5402:2002
52	Tải trọng uốn gãy	JIS A 5402:2002
53	Thời gian xuyên nước	JIS A 5402:2002
	Sứ vệ sinh	
54	Kích thước, khuyết tật ngoại quan	TCVN 5436:2006
55	Khả năng chịu tải; Khả năng xả thoát	TCVN 5436:2006
56	Độ làm sạch bề mặt; Mức đô vê sinh	TCVN 5436:2006
	Bê tông nặng	
57	Cường độ nén	TCVN 3118:1993
58	Cường đô chiu kéo khi uốn	TCVN 3119:1993
	Vữa xây dựng	
59	Xác định cường dộ nén và uốn của vữa đóng rắn	TCVN 3121 - 8:2003
	Cốt liệu cho vữa và bê tông	
60	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
61	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
62	Khối lượng riêng, khối lượng thể tích của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
63	Khối lượng thể tích xốp và đô hổng	TCVN 7572-6:2006
64	Độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
65	Hàm lượng bui, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cuc trong cốt nhỏ	TCVN 7572-8:2006
	Tấm thạch cao xây dựng	
66	Kích thước; Cường độ uốn; Độ cứng	TCVN 8257:2009
67	Đô hút nước; Lực kháng nhổ đinh	TCVN 8257:2009
	Tấm sợi xi măng	
68	Cường độ uốn	TCVN 8259:2009
69	Khả năng chống thấm nước	TCVN 8259:2009
	Khung xương kim loại	
70	Kích thước; Chiều dày lớp ma	ASTM C635 - 13a
71	Khả năng chịu tải thanh chính	ASTM C635 - 13a
	Bu lông, đai ốc	
72	Thử kéo Bu lông	ASTM F606/F606M – 19;ISO 898-1:2013 JIS B 1186: 2013;JIS B 1051: 2014;JIS B 1180:2014
73	Thử tải đai ốc	ISO 898-2 : 2013;JIS B1052-2: 2009;JIS B1181: 2014

Ghi chú (*): Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.